

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024
Về việc tranh chấp về xác định
cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bấy.

Ông Vương Tiến Chuẩn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị N, sinh năm 1985; trú tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Liễu Văn C, sinh năm 1984; trú tại thôn N (nay là thôn N), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Chu Thị N trình bày:*

Năm 2004, chị đăng ký kết hôn với anh Liễu Văn C. Quá trình chung sống, chị và anh C có 03 con chung, lần lượt là Liễu Quang T1, Liễu Quang V, Liễu Thanh T2. Đến năm 2014, chị và anh C nảy sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải

được và đã ly thân từ năm 2014. Đến ngày 07/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết cho chị và anh C ly hôn, giao ba con chung cho anh C nuôi dưỡng.

Trong thời gian ly thân với anh C thì chị đã quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn T. Đến ngày 25/3/2024, chị và anh T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 31/10/2023, chị sinh con tại Trung tâm Y tế huyện huyện L, tỉnh Bắc Giang, dự định đặt tên là Chu Văn C1 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Cháu C1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh C nhưng thực tế chị và anh C đã ly thân từ năm 2014, trong thời gian ly thân thì không gặp gỡ, không có việc quan hệ tình dục. Do đó chị xác định cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 không phải con chung của chị và anh C.

Theo kết quả giám định ADN thì anh Nguyễn Văn T và cháu C1 có quan hệ cha – con. Nay chị đề nghị Tòa án xác định anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1.

** Tại Bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày :*

Anh xác nhận lời trình bày của chị Chu Thị N về thời điểm quen biết giữa anh và chị N, cụ thể: Năm 2022 anh quen biết và có quan hệ tình cảm với chị N. Anh được biết chị N đã đăng ký kết hôn với anh Liễu Văn C nhưng đã ly thân từ năm 2014. Đến ngày 31/10/2023, chị N sinh con tại Trung tâm Y tế huyện huyện L, tỉnh Bắc Giang, dự định đặt tên là Chu Văn C1 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Do cháu C1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N và anh C nên chị N chưa đăng ký khai sinh được cho cháu. Anh cùng cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 đã làm thủ tục xét nghiệm ADN, kết quả xét nghiệm xác định anh và cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 có mối quan hệ cha – con, xác suất 99,999999%.

Nay chị N đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1, sinh ngày 31/10/2023 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Liễu Văn C trình bày:*

Trước đây anh có tổ chức đám cưới và lấy chị Chu Thị N làm vợ, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cuộc sống vợ chồng bình thường, anh và chị N có 03 con chung là Liễu Quang T3, Liễu Q và Liễu Thanh T2. Được một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến ly thân, sau đó làm thủ tục ly hôn theo Quyết định của Tòa án vào ngày 07/3/2024. Trong quá trình giải quyết ly hôn, do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 nên anh cũng không quan tâm chị N, không rõ chị N có quan biết anh Nguyễn Văn T và bản thân anh cũng không biết anh T là ai. Chị Chu Thị N sinh con thứ bốn trong thời kỳ hôn nhân với anh, nhưng không phải con đẻ của anh, không phải con chung của anh và chị N do anh và chị N đã ly thân từ năm 2014, không sống chung nhà, không có quan hệ gì với nhau cũng không gặp nhau.

Nay chị N yêu cầu Tòa án xác định anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu bé tên là Chu Văn C1 theo kết quả xét nghiệm là có huyết thống cha-con với anh Nguyễn Văn T thì anh không có ý kiến gì, anh khẳng định cháu Chu Văn C1 không phải con đẻ của anh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do đang bận đi làm nên anh xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

** Tại Công văn số 010907/2024/CV-AND ngày 09/7/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác định:*

Công ty có thực hiện việc Giám định xác định quan hệ huyết thống giữa anh Nguyễn Văn T (số CCCD: 024090011762 cấp ngày 13/8/2021 tại Cục C2 quản lý hành chính về trật tự xã hội) với cháu Chu Văn C1 (Giấy chứng sinh: Số 79 quyển số 27 cấp ngày 31/10/2023 tại Trung tâm Y tế huyện L). Người yêu cầu giám định là anh Nguyễn Văn T. Mẫu do nhân viên công ty TNHH D thu mẫu ngày 02/5/2024.

Công ty có ban hành Kết quả xét nghiệm ADN số KQ 20793224 ngày 04/5/2024 đối với anh Nguyễn Văn T (Cha giả định) với cháu Chu Văn C1 (Con giả định). Kết quả xét nghiệm như sau:

“Người có mẫu ghi tên NGUYỄN VĂN T4” có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên CHU VĂN CÚN với độ tin cậy 99,99999%”.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị N, bị đơn anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Liễu Văn C vắng mặt. Hội đồng xét xử đã tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101; khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị N: Xác định anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1, sinh ngày 31/10/2023 (theo Giấy chứng sinh ngày 31/10/2023, số 79, quyển số 27 của Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang).

- Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Chu Thị N yêu cầu Tòa án xác định anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1, sinh ngày 31/10/2023 (theo Giấy chứng sinh ngày 31/10/2023, số 79, quyển số 27 của Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang); anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 28; Điều 35; Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 101, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định đây là quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị N, bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Liễu Văn C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Chu Thị N, anh Nguyễn Văn T, anh Liễu Văn C.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Chị Chu Thị N và anh Liễu Văn C kết hôn vào năm 2004. Quá trình chung sống, chị Chu Thị N và anh Liễu Văn C nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2014. Trong thời gian ly thân và chưa làm thủ tục ly hôn với anh Liễu Văn C, chị Chu Thị N đã chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T. Ngày 31/10/2023, chị Chu Thị N sinh cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 (theo Giấy chứng sinh ngày 31/10/2023, số 79, quyển số 27 của Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang). Tại khoản 1, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”*. Như vậy, thời điểm cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 sinh ra (ngày 31/10/2023) là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Chu Thị N và anh Liễu Văn C.

[3.2] Tại khoản 2, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”*. Quá trình giải quyết vụ án, chị Chu Thị N, anh Liễu Văn C và anh Nguyễn Văn T cùng xác định mặc dù cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Chu Thị N và anh Liễu Văn C nhưng thực tế thì chị N đã ly thân anh C từ năm 2014. Chị N và anh C không có quan hệ tình cảm gì, không có việc quan hệ vợ chồng, không liên lạc hỏi thăm gì nhau. Chị N và anh C đều xác định cháu Chu Văn C1 không phải con chung của

anh, chị. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92- Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1 không phải con chung của chị Chu Thị N và anh Liễu Văn C.

[3.3] Tại Kết quả giám định ADN KQ 20793224 ngày 04/5/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn D đã kết luận: Người có mẫu ghi tên Nguyễn Văn T và người có mẫu ghi tên Chu Văn C1 có quan hệ huyết thống cha-con. Việc xét nghiệm thực hiện đảm bảo tính khách quan, trung thực, khoa học, đúng quy định pháp luật.

[3.4] Từ những đánh giá trên, căn cứ vào Kết quả giám định, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị N, cần xác định anh Nguyễn Văn T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1, sinh ngày 31/10/2023 (theo Giấy chứng sinh ngày 31/10/2023, số 79, quyển số 27 của Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang) là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Đương sự được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do vậy các đương sự trong vụ án không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 101, khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị N: Xác định anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (số căn cước công dân: 024090011762 cấp ngày 13/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C1, sinh ngày 31/10/2023 (theo Giấy chứng sinh ngày 31/10/2023, số 79, quyển số 27 của Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang).

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu